

Số: 83 /VSC

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Container Việt Nam (mã chứng khoán: VSC) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 so với báo cáo cùng kỳ năm trước có biến động từ 10% trở lên trên **Báo cáo tài chính hợp nhất** như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016	Chênh lệch giảm	Tỷ lệ giảm (%)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	108.711.381.047	124.573.692.854	15.862.311.807	12,73

Nguyên nhân chủ yếu:

Trong 6 tháng đầu năm 2017, giá cung cấp dịch vụ giảm trong khi chi phí đầu vào tăng dẫn tới doanh thu tăng hơn 20% nhưng giá vốn tăng tới 29% so với 6 tháng đầu năm 2016. Ngoài ra, doanh thu hoạt động tài chính giảm mạnh trong khi chi phí lãi vay để đầu tư xây dựng dự án Cảng Xanh VIP và chi phí bán hàng kỳ này lại tăng nhiều so với cùng kỳ năm trước. Đây là nguyên nhân chủ yếu làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông của Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2017 giảm 15.862.311.807 đồng, tương ứng với giảm 12,73% so với 6 tháng đầu năm 2016.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tiên

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, TCKT



Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp Số 0200453688

ngày 27 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2002. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 27 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Việt Hòa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Xuân Bạo	Thành viên
Bà Hoàng Thị Hà	Thành viên
Ông Hoàng Trọng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Nghiêm Tuấn Anh	Thành viên
Ông Hoàng Tiến Lục	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Bạo	Giám đốc Tài chính
Ông Nguyễn Thế Trọng	Giám đốc Kỹ thuật

Trụ sở đăng ký

Số 11 Võ Thị Sáu, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

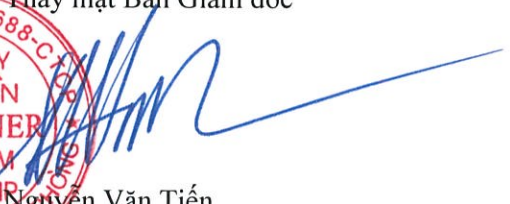
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc




Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 12 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Container Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Container Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410, "Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện".

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Container Việt Nam và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-119-SX-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		574.577.303.610	605.005.169.022
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	274.189.615.497	331.452.487.098
Tiền	111		103.889.615.497	86.933.677.314
Các khoản tương đương tiền	112		170.300.000.000	244.518.809.784
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		68.355.135.102	32.327.019.444
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	68.355.135.102	32.327.019.444
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		185.447.336.255	130.269.427.359
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	133.247.010.432	112.860.391.893
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		38.483.791.724	6.230.265.391
Phải thu ngắn hạn khác	136		14.666.096.470	12.128.332.446
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(949.562.371)	(949.562.371)
Hàng tồn kho	140	8	9.831.130.843	9.263.495.588
Hàng tồn kho	141		9.831.130.843	9.263.495.588
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.754.085.913	101.692.739.533
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.359.278.781	4.356.051.516
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	33.902.352.736	97.283.589.769
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		492.454.396	53.098.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.920.417.620.285	1.792.432.728.397
Tài sản cố định	220		1.161.354.287.250	1.215.129.401.911
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.150.022.216.119	1.204.039.352.619
Nguyên giá	222		1.798.575.435.558	1.766.478.000.182
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(648.553.219.439)	(562.438.647.563)
Tài sản cố định vô hình	227	10	11.332.071.131	11.090.049.292
Nguyên giá	228		15.355.390.163	14.281.802.663
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.023.319.032)	(3.191.753.371)
Tài sản dở dang dài hạn	240		60.818.915.887	11.150.787.591
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	60.818.915.887	11.150.787.591
Đầu tư tài chính dài hạn	250		106.801.816.472	104.799.316.472
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6(b)	106.646.816.472	104.644.316.472
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	155.000.000	155.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		591.442.600.676	461.353.222.423
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	591.419.600.676	461.353.222.423
Tài sản dài hạn khác	268		23.000.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.494.994.923.895	2.397.437.897.419

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		899.013.914.747	881.947.253.829
Nợ ngắn hạn	310		327.819.336.449	296.567.008.267
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	83.986.088.801	62.612.059.106
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.848.829.432	1.454.857.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	8.877.318.587	18.811.034.169
Phải trả người lao động	314		21.950.482.670	41.470.024.939
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	14.118.565.966	14.010.125.062
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	89.785.683.287	60.549.832.296
Vay ngắn hạn	320	17(a)	59.558.000.000	57.689.480.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	47.694.367.706	39.969.595.274
Nợ dài hạn	330		571.194.578.298	585.380.245.562
Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000	40.000.000
Vay dài hạn	338	17(b)	571.159.578.298	585.340.245.562
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.595.981.009.148	1.515.490.643.590
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.595.981.009.148	1.515.490.643.590
Vốn cổ phần	411	20	455.571.420.000	455.571.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.571.420.000	455.571.420.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	36.141.891.246	36.141.891.246
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	646.581.474.591	598.595.119.872
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	247.430.189.197	258.295.915.770
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		138.718.808.150	53.095.759.134
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		108.711.381.047	205.200.156.636
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	19	210.256.034.114	166.886.296.702
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.494.994.923.895	2.397.437.897.419

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:


Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:




Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởngNguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	606.853.432.261	503.119.436.515
Giá vốn hàng bán	11		417.308.256.733	323.441.672.634
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		189.545.175.528	179.677.763.881
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	4.580.239.388	11.546.138.487
Chi phí tài chính	22	26	25.365.040.608	19.220.824.524
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.287.913.510	19.058.518.843
Phần lãi trong công ty liên kết	24		2.641.800.000	9.204.858.574
Chi phí bán hàng	25		7.156.265.045	5.412.838.182
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		28.488.174.477	24.599.923.561
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		135.757.734.786	151.195.174.675
Thu nhập khác	31		124.749.067	2.072.251.691
Chi phí khác	32		787.821.349	1.571.131.585
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(663.072.282)	501.120.106
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		135.094.662.504	151.696.294.781
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	17.013.544.045	23.068.942.914
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		118.081.118.459	128.627.351.867
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		108.711.381.047	124.573.692.854
Cổ đông không kiểm soát	62		9.369.737.412	4.053.659.013
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.386	2.734

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:

Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	135.094.662.504	151.696.294.781
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	94.040.074.167	86.013.760.055
Các khoản dự phòng	03	-	35.018.500
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(103.483.058)	43.104.449
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.736.091.605)	(19.053.642.775)
Chi phí lãi vay	06	25.287.913.510	19.058.518.843
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	250.583.075.518	237.793.053.853
Biến động các khoản phải thu	09	(55.180.652.076)	(31.982.445.955)
Biến động hàng tồn kho	10	(567.635.255)	(3.482.132.603)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	47.181.146.047	(81.162.631.631)
Biến động chi phí trả trước	12	5.226.170.409	6.654.222.776
		247.242.104.643	127.820.066.440
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.561.984.703)	(9.282.792.983)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.730.747.813)	(26.519.039.806)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	18.719.311.266
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.552.087.568)	(13.259.535.195)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.397.284.559	97.478.009.722
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(226.681.678.377)	(305.979.709.438)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.863.636.364	360.000.000
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(36.028.115.658)	(31.517.513.066)
Tiền bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	88.525.947.673
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.002.500.000)	(183.600.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	128.061.716.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	4.457.461.230	11.634.715.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(257.391.196.441)	(292.514.843.558)

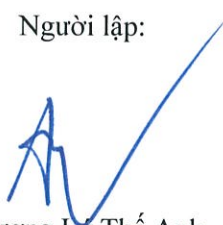
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

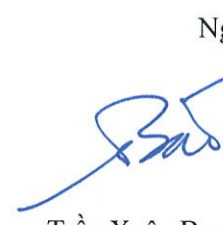
	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	34.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	38.948.332.736	229.224.923.834
Tiền trả nợ gốc vay	34	(51.260.480.000)	(714.500.000)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36	(40.411.575)	(41.372.023.750)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	-	(2.303.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	21.647.441.161	184.835.400.084
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(57.346.470.721)	(10.201.433.752)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	331.452.487.098	332.397.641.629
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	83.599.120	(140.490.266)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	274.189.615.497	322.055.717.611

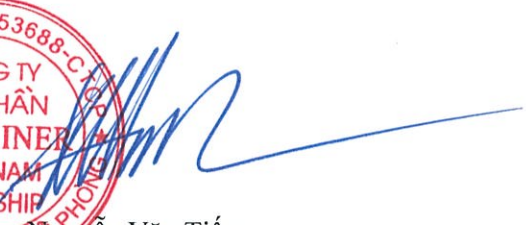
Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:


 Trương Lý Thế Anh
 Phó phòng Kế toán

Người duyệt:


 Trần Xuân Bạo
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Container Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, các hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Cho thuê xe có động cơ; và
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 7 công ty con (1/1/2017: 6 công ty con) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	30/6/2017	1/1/2017
Công ty TNHH Một thành viên Vận tải biển Ngôi sao Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	65%	65%
Công ty TNHH Một thành viên Viconship Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Bến Xanh	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP	74%	74%
Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh (*)	66.34%	-

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh được thành lập ngày 24 tháng 1 năm 2017.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 3 công ty liên kết (1/1/2017: 2 công ty liên kết) như sau:

	% sở hữu và quyền biểu quyết	
	30/6/2017	1/1/2017
Đầu tư góp vốn vào:		
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	31%	31%
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	22%	22%
• Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	30%	-

Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội được thành lập ngày 14 tháng 10 năm 2016. Ngày 4 tháng 1 năm 2017, Công ty hoàn thành việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 1.030 nhân viên (1/1/2017: 988 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty hoặc các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh kho bãi và cung cấp các dịch vụ bốc xếp, vận tải container và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các công ty liên quan đề cập tới các công ty liên kết của Tập đoàn.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	7.021.405.271	4.526.916.047
Tiền gửi ngân hàng	96.868.210.226	82.406.761.267
Các khoản tương đương tiền	170.300.000.000	244.518.809.784
	274.189.615.497	331.452.487.098

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	68.355.135.102	32.327.019.444

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở những ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 1 tháng 1 năm 2017.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư góp vốn vào:		
• Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	12.635.002.950	12.635.002.950
• Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	92.009.313.522	92.009.313.522
• Công ty TNHH Tuyến Container T.S. Hà Nội	2.002.500.000	-
	106.646.816.472	104.644.316.472

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		30/6/2017		1/1/2017	
	Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty TNHH MSC Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	5%	155.000.000	5%	155.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
APL Co., Pte. Ltd	9.161.583.653	15.326.752.893
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	6.521.319.060	6.364.125.746
Công ty Liên doanh Đại lý vận tải Evergreen Việt Nam	14.139.123.333	16.148.252.766
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	7.774.704.283	4.632.933.621
Công ty TNHH Cosco Shipping Lines Việt Nam	8.291.675.712	6.604.303.714
Các khách hàng khác	87.358.604.391	63.784.023.153
	133.247.010.432	112.860.391.893

8. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	8.613.733.214	8.161.497.422
Công cụ và dụng cụ	446.462.273	168.922.000
Hàng hóa	770.935.356	933.076.166
	9.831.130.843	9.263.495.588

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	698.810.274.600	49.431.237.463	996.155.708.639	22.080.779.480	1.766.478.000.182
Tăng trong kỳ	-	2.870.148.402	12.662.484.541	819.715.055	16.352.347.998
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.615.999.395	9.958.999.210	-	433.586.955	20.008.585.560
Thanh lý	-	-	(4.263.498.182)	-	(4.263.498.182)
Phân loại lại	(77.272.727)	-	-	77.272.727	-
Số dư cuối kỳ	708.349.001.268	62.260.385.075	1.004.554.694.998	23.411.354.217	1.798.575.435.558
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	189.693.429.666	12.598.229.562	355.435.366.601	4.711.621.734	562.438.647.563
Khấu hao trong kỳ	25.818.414.468	3.631.410.316	55.952.766.985	1.390.472.300	86.793.064.069
Thanh lý	-	-	(678.492.193)	-	(678.492.193)
Phân loại lại	(77.272.727)	-	-	77.272.727	-
Số dư cuối kỳ	215.434.571.407	16.229.639.878	410.709.641.393	6.179.366.761	648.553.219.439
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	509.116.844.934	36.833.007.901	640.720.342.038	17.369.157.746	1.204.039.352.619
Số dư cuối kỳ	492.914.429.861	46.030.745.197	593.845.053.605	17.231.987.456	1.150.022.216.119

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản với nguyên giá 197.464 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 212.527 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 821.245 triệu VND (1/1/2017: 900.259 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 17(b)).

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	8.926.775.390	14.281.802.663
Tăng trong kỳ	-	1.073.587.500	1.073.587.500
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	10.000.362.890	15.355.390.163
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	3.191.753.371	3.191.753.371
Khấu hao trong kỳ	-	831.565.661	831.565.661
Số dư cuối kỳ	-	4.023.319.032	4.023.319.032
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	5.355.027.273	5.735.022.019	11.090.049.292
Số dư cuối kỳ	5.355.027.273	5.977.043.858	11.332.071.131

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	11.150.787.591	82.695.831.636
Tăng trong kỳ	72.892.106.515	184.387.094.266
Chi phí lãi vay vốn hóa	132.191.341	981.328.995
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.008.585.560)	(196.904.701.714)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(240.000.000)
Biến động khác	(3.347.584.000)	(460.904.398)
Số dư cuối kỳ	60.818.915.887	70.458.648.785

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Xây dựng bãi container	36.813.073.383	-
Mua sắm cần cẩu bờ di động	11.023.754.738	-
Xây dựng nhà văn phòng	2.520.325.455	-
Xây dựng nhà kho số 3 tại Xí nghiệp Cảng Viconship	-	5.468.142.100
Các hạng mục khác	10.461.762.311	5.682.645.491
	60.818.915.887	11.150.787.591

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	435.498.003.288	21.594.802.306	4.260.416.829	461.353.222.423
Tăng trong kỳ	136.363.636.364	9.993.322.711	11.431.143.276	157.788.102.351
Phân bổ trong kỳ	(6.415.444.437)	(12.538.604.383)	(8.767.675.278)	(27.721.724.098)
Số dư cuối kỳ	565.446.195.215	19.049.520.634	6.923.884.827	591.419.600.676

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và người bán là các bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Người bán là các bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	5.809.868.647	6.202.335.381
▪ Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng	-	61.078.726
	5.809.868.647	6.263.414.107
Người bán là các bên thứ ba		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	-	6.677.459.340
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Cơ khí Tân Thanh	5.406.721.592	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Kho vận Hồng Quân	2.582.281.350	857.018.250
▪ Công ty TNHH Xây dựng và Trang trí Nội thất Thăng Long	5.030.402.387	3.172.345.934
▪ Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.606.348.440	3.412.305.570
▪ Các nhà cung cấp khác	61.550.466.385	42.229.515.905
	83.986.088.801	62.612.059.106

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh tăng trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	Số được hoàn trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	97.283.589.769	42.099.208.485	(39.788.373.126)	(65.692.072.392)	33.902.352.736

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp và đã khấu trừ trong kỳ VND	Số được giảm trong kỳ VND	Chuyển sang số dư thuế phải thu VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.501.576.073	50.579.227.445	(51.555.103.869)	-	-	1.525.699.649
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.889.243.816	17.013.544.045	(23.730.747.813)	(243.249.099)	352.896.206	6.281.687.155
Thuế thu nhập cá nhân	548.862.770	2.337.873.811	(2.326.306.188)	-	-	560.430.393
Các loại thuế khác	2.871.351.510	4.993.697.162	(7.355.547.282)	-	-	509.501.390
	18.811.034.169	74.924.342.463	(84.967.705.152)	(243.249.099)	352.896.206	8.877.318.587

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	11.898.635.296	13.040.515.148
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.219.930.670	969.609.914
	14.118.565.966	14.010.125.062

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	3.611.900.309	3.932.504.350
Cổ tức phải trả	46.225.667.450	708.937.025
Các khoản thu hộ hãng tàu	34.332.737.454	52.998.957.582
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.615.378.074	2.909.433.339
	89.785.683.287	60.549.832.296

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động tăng trong kỳ VND	Biến động giảm trong kỳ VND	30/6/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	57.689.480.000	53.129.000.000	(51.260.480.000)	59.558.000.000

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Khoản vay 1	USD	4%	2017	-	4.831.480.000
Khoản vay 2 (i)	VND	7%	2019	6.427.500.000	7.856.500.000
Khoản vay 3 (ii)	VND	6,8%	2025	585.341.745.562	630.341.745.562
Khoản vay 4 (iii)	VND	7,3%	2025	38.948.332.736	-
				630.717.578.298	643.029.725.562
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(59.558.000.000)	(57.689.480.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				571.159.578.298	585.340.245.562

- (i) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh, một công ty con của Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 11.753 triệu VND (1/1/2017: 13.187 triệu VND). Khoản vay này có 3.558 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.
- (ii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, một công ty con của Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 809.492 triệu VND (1/1/2017: 851.990 triệu VND). Khoản vay này có 56.000 triệu VND sẽ đến hạn trả trong vòng 12 tháng.
- (iii) Khoản vay này được vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Phát triển Xanh.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	39.969.595.274	34.514.300.259
Trích lập trong kỳ	24.201.860.000	27.094.872.000
Sử dụng trong kỳ	(16.477.087.568)	(13.259.535.195)
Số dư cuối kỳ	47.694.367.706	48.349.637.064

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	414.160.420.000	36.141.891.246	537.563.930.272	274.832.862.734	168.473.265.389	1.431.172.369.641
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	124.573.692.854	4.053.659.013	128.627.351.867
Phân bổ vào các quỹ	-	-	61.031.189.600	(61.031.189.600)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(27.094.872.000)	-	(27.094.872.000)
Cổ tức	41.411.000.000	-	-	(82.827.042.000)	(2.303.000.000)	(43.719.042.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(2.184.000.000)	-	(2.184.000.000)
Ảnh hưởng của giao dịch chuyển nhượng vốn giữa các cổ đông của công ty con	-	-	-	(48.600.000.000)	(10.000.000.000)	(58.600.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	455.571.420.000	36.141.891.246	598.595.119.872	177.669.451.988	160.223.924.402	1.428.201.807.508
Số dư tại ngày 1/1/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	598.595.119.872	258.295.915.770	166.886.296.702	1.515.490.643.590
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	108.711.381.047	9.369.737.412	118.081.118.459
Góp vốn	-	-	-	-	34.000.000.000	34.000.000.000
Phân bổ vào các quỹ	-	-	47.986.354.719	(47.986.354.719)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(24.201.860.000)	-	(24.201.860.000)
Cổ tức	-	-	-	(45.557.142.000)	-	(45.557.142.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	(1.895.000.000)	-	(1.895.000.000)
Biến động khác	-	-	-	63.249.099	-	63.249.099
Số dư tại ngày 30/6/2017	455.571.420.000	36.141.891.246	646.581.474.591	247.430.189.197	210.256.034.114	1.595.981.009.148

Công ty Cổ phần Container Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.557.142	455.571.420.000	41.416.042	414.160.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Cổ tức

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2016 với mức 10% mệnh giá cổ phần (1.000 VND trên một cổ phiếu) với tổng giá trị 45.557 triệu VND.

Ngày 24 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty cũng phê duyệt việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phần. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.260.944.800	6.951.304.800
Trong vòng hai đến năm năm	13.043.779.200	16.734.139.200
Sau năm năm	24.719.305.355	26.336.376.612
	41.024.029.355	50.021.820.612

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.633.864	37.131.517.036	1.417.750	32.216.677.191

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	3.707.461.230	7.788.784.201
Cổ tức và lợi nhuận được chia	750.000.000	1.700.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	122.778.158	2.057.354.286
	4.580.239.388	11.546.138.487

26. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	25.287.913.510	19.058.518.843
Lỗ chênh lệch tỷ giá	77.127.098	162.305.681
	25.365.040.608	19.220.824.524

27. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	25.754.965.376	24.262.972.104
Chi phí nhân công	85.895.722.080	76.431.967.933
Chi phí khấu hao và phân bổ	94.040.074.167	86.013.760.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	216.149.029.451	145.592.868.812
Chi phí khác	31.112.905.181	21.152.865.473

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	135.094.662.504	151.696.294.781
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.018.932.501	30.339.258.956
Ảnh hưởng của các ưu đãi thuế	(9.948.352.547)	(5.350.729.426)
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	621.324.091	521.318.153
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(678.360.000)	(2.440.904.769)
	17.013.544.045	23.068.942.914

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế tại một số công ty con của Công ty bởi vì không có sự chắc chắn về thời điểm có thể sử dụng các lợi ích của lỗ tính thuế này trong tương lai do các công ty con này đang trong giai đoạn được miễn thuế.

(b) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, trừ trường hợp công ty con được hưởng ưu đãi thuế.

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty TNHH Một thành viên Trung tâm Logistic Xanh (“GLC”) và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“VGP”), hai công ty con của Công ty, có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm từ năm đầu tiên có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2013 đến năm 2027 đối với GLC và từ năm 2016 đến năm 2030 đối với VGP), và được miễn thuế thu nhập trên lợi nhuận tính thuế trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2013 đến năm 2016 đối với GLC và từ năm 2016 đến năm 2019 đối với VGP) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	108.711.381.047	124.573.692.854
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	108.711.381.047	124.573.692.854

(*) Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	45.557.142	41.416.042
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (**)	-	4.141.100
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	45.557.142	45.557.142

(**) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty chưa hoàn thiện các thủ tục phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 24 tháng 3 năm 2017. Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ được điều chỉnh tăng thêm khi Công ty hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Container Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ</i>		
Sử dụng dịch vụ	25.084.502.178	19.401.231.453
Thành viên Ban Giám đốc Công ty		
Tiền lương và thưởng	1.605.302.895	1.673.117.182
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát Công ty		
Thù lao và thưởng	1.895.000.000	2.184.000.000

31. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông	-	41.411.000.000

Ngày 12 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trương Lý Thế Anh
Phó phòng Kế toán

Người duyệt:



Trần Xuân Bạo
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Tiến
Tổng Giám đốc